

Bản án số: 21/2021/HS-ST

Ngày: 28/10/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM HÀ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Năm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hải – Giáo viên trường phổ thông trung học huyện Đam Hà

+ Ông Chu Vinh Quang – Cán bộ hưu trí huyện Đam Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Thu - thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Hà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Hà tham gia phiên tòa:** Bà **Vũ Đức Hạnh Quyên** - kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2021, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đam Hà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/HS-ST ngày 07/9/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 14/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐHPT ngày 28/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **N V V**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/10/1977, tại: huyện V B, thành phố H P; Nơi cư trú: Thôn T H, xã Q T, huyện Đ H, tỉnh Q N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; họ và tên cha: N V D, sinh 1952; họ và tên mẹ: T T N, sinh 1955; Bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai; bị cáo có vợ là P T L, sinh năm 1978; bị cáo có 02 con, lớn sinh 1998, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 30/6/2021. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **V V T**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20/5/1966, tại: huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn T H, xã Q T, huyện Đ H, tỉnh Q N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; họ và tên cha: V V T (Đã chết); họ và tên mẹ: N T G (Đã chết); Bị cáo có 04 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ ba; bị cáo có vợ là L T Đ, sinh năm 1970; bị cáo có 03 con, lớn sinh 1989 nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 30/6/2021. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: **L V Th**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/5/1982, tại: huyện Đ H, tỉnh Q N; Nơi cư trú: Phố B S, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; họ và tên cha: L V D, sinh năm 1951; họ và tên mẹ: N T T (Đã chết); Bị cáo không có anh, chị em ruột; bị cáo có vợ là T T N, sinh năm 1989; bị cáo có 03 con, lớn sinh 2010 nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 30/6/2021. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo: **L T Th1**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 10/02/1974, tại: huyện Kh Ch, tỉnh H Y; Nơi cư trú: Thôn H Y, xã Q Th, huyện H H, tỉnh Q N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; họ và tên cha: L V Gi (Đã chết); họ và tên mẹ: V T T, sinh năm 1935; Bị cáo có 05 anh, chị ruột, bị cáo là con thứ năm; bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 30/6/2021. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo: **H Q Th2**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27/9/1984, tại: huyện Đ H, tỉnh Q N; Nơi cư trú: Thôn Tr S, xã Q T, huyện Đ H, tỉnh Q N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; họ và tên cha: H V R (Đã chết); họ và tên mẹ: Ph T H, sinh năm 1962; Bị cáo có 03 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo có vợ là Đ K O, sinh năm 1986; bị cáo có 02 con, lớn sinh 2010 nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu xử phạt 06 tháng tù về tội “buôn bán hàng cấm”; đã thi hành xong bản án năm 2007. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 30/6/2021. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo: **Ph Th T1**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04/10/1988, tại: huyện Đ H, tỉnh Q N; Nơi cư trú: Thôn A L, xã Q T, huyện Đ H, tỉnh Q N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; họ và tên cha: Ph V T, sinh năm 1964; họ và tên mẹ: Tr Th N, sinh năm 1967; Bị cáo có 02 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo có vợ là N Th Th, sinh năm 1996; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2017 nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái xử phạt 09 tháng tù về hành vi “trộm cắp tài sản”; đã thi hành xong bản án năm 2014. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 30/6/2021. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo: **T Th Th3**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 27/3/1981, tại: huyện Đ H, tỉnh Q N; Nơi cư trú: Phố H V T, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Q N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; họ và tên cha: T V H (Đã chết); họ và tên mẹ: L T L, sinh năm 1947; Bị cáo có 04 anh, chị em ruột, bị cáo

là con thứ hai; bị cáo có chồng là P T V, sinh năm 1975; bị cáo có 01 con, sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 30/6/2021. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Anh V V Đ, sinh năm 1990, trú tại: Thôn T L, xã Q T, huyện Đ H, tỉnh Q N; Anh Ng Tr T, sinh năm 1990, trú tại: thôn T T, xã Q A, huyện Đ H; Anh P T Q, sinh năm 1992, trú tại: Thôn H A, xã Q A, huyện Đ H; Chị H T T T, sinh năm 1986, trú tại: Phố T P, thị trấn Đ H, huyện Đ H. Những người làm chứng cùng vắng mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến: Anh L T C, sinh năm 1994; trú tại: Phố Tr P, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Q N. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/6/2021, tại khu đất trống thuộc phố T P, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Q N, N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, thì bị Công an huyện Đ H phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền 11.730.000 đồng dùng vào việc đánh bạc.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình về cơ bản giống với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà đã truy tố đối với bị cáo.

Bị cáo V, T, Th, Th1, Th2, T1 và Th3 cùng khai:

N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội, thường rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, được thua bằng tiền tại khu đất trống, thuộc phố T P, thị trấn Đ H, huyện Đ H. Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 22/6/2021, T đến địa điểm nêu trên để đánh bạc. Trên đường đi T gặp T1 nên cả hai cùng đến. Một lúc sau lần lượt V, Th2, Th, Th1, Th3 cũng đến. Cả nhóm thống nhất cùng chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa, dụng cụ gồm: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quân vị được cắt từ quân bài tứ lơ khơ, một mặt màu xanh và một mặt màu trắng đỏ (đã có sẵn tại chỗ chơi, không rõ ai chuẩn bị), lúc đầu V là người cầm cái, sau đó chuyển cho Thường cầm cái.

Cách thức chơi: người cầm cái cho 04 quân vị vào lòng đĩa úp bát lên rồi xóc, lúc này người chơi sẽ đặt tiền (tối thiểu là 10.000đ, không quy định mức tối đa) theo 02 cửa chắn hoặc lẻ (chắn là khi mở bát có 04 quân vị hoặc 02 quân vị có cùng 01 mặt giống nhau, lẻ là 01 quân vị có mặt khác với 03 quân vị còn lại). Sau khi đặt cửa xong, người cầm cái mở bát, nếu quân vị là chắn, thì người chơi đặt tiền cửa chắn thắng; người cầm cái sẽ được tiền người chơi đặt cửa lẻ và phải trả tiền cho người đặt cửa chắn bằng với số tiền họ đặt cược. Còn nếu khi mở bát quân vị là lẻ thì cách thức thanh toán tiền thắng thua tương tự như ở cửa chắn nhưng ngược lại.

Cả nhóm chơi đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đang là người cầm cái để đánh bạc với mọi người, thì bị Công an huyện Đ H phát hiện bắt quả tang T, Th, Th1, Th3, T1, Th2 còn V bỏ chạy. Vật chứng thu giữ gồm: thu tại

chiếu bạc số tiền 10.370.000đ (mười triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng), 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quân vị cắt bằng tứ lơ khơ một mặt màu xanh và một mặt màu trắng đỏ, 07 (bảy) chiếc điện thoại di động; thu giữ của Th số tiền 7.360.000đ (bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) (trong đó thu trong người 860.000đ, thu trong bóp xe 6.500.000đ) và xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 14M1-096.58 cùng giấy tờ xe. Đến ngày 23/6/2021, N V V đến Công an huyện Đàm Hà đầu thú, giao nộp 01 điện thoại di động và số tiền 500.000 đồng sử dụng đánh bạc.

Tại phiên tòa, các bị cáo N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và khẳng định số tiền mỗi người dùng để đánh bạc như sau: V có 500.000 đồng; Th có 1.460.000 đồng (bị thu giữ 600.000đ dưới chiếu bạc, 860.000đ để trong người sẽ dùng để đánh bạc) còn số tiền 6.500.000 đồng để trong bóp xe là của khách, không liên quan đến việc đánh bạc; T có 3.500.000 đồng; Th1 có 2.595.000 đồng; Th2 có 1.455.000 đồng; T1 có 1.200.000 đồng và Th3 có 1.020.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 11.730.000đ (mười một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, các bị can còn khai nhận: trước đó từ ngày 18/6/2021 đến khi bị bắt cũng tại địa điểm và cách thức trên, đã nhiều từng đánh bạc với số tiền nhỏ.

Người làm chứng và người chứng kiến đều có lời khai phù hợp với là khai của các bị cáo và cùng phản ánh việc 7 bị cáo đánh bạc và bị cơ quan công an bắt quả tang thu giữ tiền và các tang vật khác.

Tại cáo trạng số 18/CT-VKSĐH ngày 07/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H truy tố các bị cáo N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 về tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng đối với bị cáo N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 đã phạm tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; đồng thời xác định các bị cáo trong quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo N V V, V V T, L V Th, L T Th1 và T T Th3 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N V V đầu thú; Bị cáo H V Th2 có cha đẻ là ông H V R tham gia dân công Hỏa tuyến tại nơi xảy ra chiến tranh bảo vệ tổ quốc; bị cáo Ph Th T1 có cha đẻ là ông P V T, là bộ đội tham gia trực tiếp chiến tranh bảo vệ tổ quốc; Ông R và ông T cùng được Thủ tướng Chính Phủ ghi nhận công lao và được Bộ tư lệnh Quân Khu 3 xác nhận và cấp trợ cấp; bản thân hai bị cáo Th2 và T1 còn cùng gia đình tham gia hiến đất xây dựng nông thôn mới. Do vậy bị cáo V, Th2 và T1 cùng được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cho rằng chưa cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 đối với cả 7 bị cáo; điểm i khoản 1 Điều 51 đối với 5 bị cáo gồm: V; T, Th, Th1

và Th3 ; bị cáo Th2, T1 và V còn được áp dụng thêm khoản 2 Điều 52; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo với mức án như sau:

Bị cáo N V V từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo V V T, từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo L V Th, từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo L Th Th1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo H Q Th2 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Ph Th T1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo T Th Th3 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo đã dùng đánh bạc; trả lại 08chiếc điện thoại cho các bị cáo; trả lại bị cáo V V Th số tiền 6.500.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01chiếc bát; một chiếc đĩa và 04 quân vị là dụng cụ các bị cáo dùng để đánh bạc.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập cũng như do người tham gia tố tụng cung cấp được Hội đồng xét xử đánh giá là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, đã xác định được như sau:

[2] Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/6/2021, tại khu đất trống thuộc phố Trần Phú, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Q N, N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, thì bị Công an huyện Đàm Hà phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền 11.730.000 đồng dùng vào việc đánh bạc.

Hành vi của N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 321. Tội đánh bạc.

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc

hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà tại phiên tòa hôm nay đề nghị kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng điều luật cũng như mức hình phạt đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trật tự an toàn công cộng; gây mất an ninh trật tự; làm ảnh hưởng nếp sống văn hóa truyền thống mà pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Bảy bị cáo đều là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi nguy hiểm mà Bộ luật hình sự quy định nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi do mình thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình nghị án Hội đồng xét xử đánh giá, xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ đề quyết định một mức hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; bị cáo V và bị cáo Th là hai người thay nhau xóc cái nên giữ vai trò chính ngang nhau. Bị cáo T bỏ ra 3.500.000 đồng và bị cáo Th1 bỏ ra 2.595.000 đồng; đây là số tiền vượt trội lớn hơn so với các bị cáo khác trong cùng vụ án này nên T và Th1 giữ vai trò ngang nhau sau bị cáo V và bị cáo Th. Bị cáo Th2, T1 và Th3 bỏ ra số tiền tương đương nhau và ít hơn nhiều so với bị cáo T và Th1 nên cùng giữ vai trò sau cùng ngang nhau trong vụ án.

[6] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo N V V, V V Th, L V T, L Th Th1 và T Th Th3 cùng có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo V sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Bị cáo P T T1 và H Q Th2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hai bị cáo tuy đã từng bị kết án nhưng đều đã được xóa án tích (đến nay được hơn 5 năm) nên cũng được coi là có nhân thân tốt. Trong lần phạm tội này, hai bị cáo cũng tham gia với vai trò thứ yếu, số tiền bỏ ra để đánh bạc ít; phạm tội do nhất thời hám lợi. Bị cáo T1 có bố đẻ là ông P V T là bộ đội trực tiếp tham gia chiến đấu bảo vệ tổ quốc sau ngày 30/4/1975, có quyết định của Thủ tướng Chính Phủ và Bộ tư lệnh quân khu 3 xác nhận công lao và cấp kinh phí trợ cấp. Bị cáo Th2 có bố đẻ là ông H V R tham gia dân công hỏa tuyến, phục vụ bộ đội trong chiến tranh biên giới bảo vệ tổ quốc năm 1984, có quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ tư lệnh Quân khu 3 xác nhận công lao và cấp kinh phí trợ cấp. Ngoài ra, hai bị cáo tuy cũng có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng đã cùng gia đình đã

nhiều lần hiến tặng đất để chính quyền địa phương làm đường và xây dựng công trình công cộng, tích cực góp phần xây dựng nông thôn mới đồng thời chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước. Do vậy, bị cáo Th2 và bị cáo T1 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] **Về tình tiết tăng nặng:** Không có.

[8] Sau khi xem xét, đánh giá nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bảy bị cáo N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 đều có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ; phạm tội có tính hám lờn nhất thời nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo để cho các bị cáo tự cải tạo trong sự giám sát của địa phương, gia đình cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Đối với biện pháp ngăn chặn mà bị cáo đang bị áp dụng là “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “tạm hoãn xuất cảnh” cần được hủy bỏ.

[9] Theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; Do các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, có đơn đề nghị được chính quyền địa phương xác nhận nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[10] **Về vật chứng vụ án:** Số tiền 11.730.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước; trả lại 08 chiếc điện thoại cho các bị cáo; trả lại bị cáo V V Th số tiền 6.500.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát; một chiếc đĩa và 04 quân vị là dụng cụ các bị cáo dùng để đánh bạc.

Xe mô tô BKS 14M1-096.58 cùng giấy tờ xe của bị cáo Th được xác định không liên quan đến việc bị cáo phạm tội và đã được Cơ quan điều tra đã trả lại cho V V Th trong giai đoạn điều tra.

[11] Đối với V V Đ có cho một số bị cáo vay tiền nhưng Đ không biết các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên đó là quan hệ dân sự giữa Đ và những người vay, không có yếu tố vi phạm pháp luật; cơ quan công an khi làm việc với Đ đã trả lại tài sản liên quan đến Đ nên không đề cập giải quyết.

Ngoài ra, các bị cáo còn khai nhận trước đó từ ngày 18/6/2021 đến ngày 21/6/2021 đã có hành vi đánh bạc cũng bằng hình thức xóc đĩa tại địa điểm trên. Xét tính chất mức độ của các lần chưa đến mức xử lý hình sự, Công an huyện Đàm Hà đã xử phạt hành chính.

Việc các bị cáo tụ tập đông người trong thời điểm xã hội đang thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, tuy nhiên vi phạm của các bị cáo đã được ngăn chặn kịp thời không có hậu quả xảy ra, tình hình xã hội trên địa bàn huyện ổn định bình thường, Công an huyện Đàm Hà đã có công văn đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Đàm Hà giải quyết theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử được Hội đồng xét xử đánh giá hợp pháp.

[13] Các bị cáo có quyền kháng cáo trong phạm vi và thời hạn luật định.

[14] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[15] Việc công khai bản án: Bản án được công khai trên cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án nhân dân

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bảy bị cáo gồm: N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 đã phạm tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo N V V 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/10/2021; giao bị cáo N V V cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Tân, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo V V Th 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/10/2021; giao bị cáo V V Th cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Tân, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo L V T 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/10/2021; giao bị cáo L V T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đàm Hà, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo L T Th1 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/10/2021; giao bị cáo L T Th1 cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo T Th Th3 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/10/2021; giao bị cáo T Th Th3 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đàm Hà, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng

Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo H Q Th2 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/10/2021; giao bị cáo H Q Th2 cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Tân, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo P Th T1 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/10/2021; giao bị cáo P Th T1 cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Tân, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Miễn Hình phạt bổ sung cho cả bảy bị cáo.

Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27/2021/LCCT - TA ngày 01/10/2021; Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 10/2021/QĐ-TA ngày 01/10/2021 đối với N V V ; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 28/2021/LCCT - TA ngày 01/10/2021; Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 11/2021/QĐ-TA ngày 01/10/2021 đối với V V Th; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 29/2021/LCCT - TA ngày 01/10/2021; Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 13/2021/QĐ-TA ngày 01/10/2021 đối với L V Th; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 32/2021/LCCT - TA ngày 01/10/2021; Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 15/2021/QĐ-TA ngày 01/10/2021 đối với L Th Th1; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 31/2021/LCCT - TA ngày 01/10/2021; Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 12/2021/QĐ-TA ngày 01/10/2021 đối với P T T1; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 30/2021/LCCT - TA ngày 01/10/2021; Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 14/2021/QĐ-TA ngày 01/10/2021 đối với H Q Th2; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 33/2021/LCCT - TA ngày 01/10/2021; Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 16/2021/QĐ-TA ngày 01/10/2021 đối với T Th Th3.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.730.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) của các bị cáo đã dùng để đánh bạc.

Trả lại bị cáo V V Th số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng được tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại bị cáo Th2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 mini màu trắng; trong có 01 sim đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động Itel màu vàng, trong lắp 2 sim điện thoại đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo Th 01 điện thoại Oppo A31 màu đen, trong lắp 01 sim điện thoại đã qua sử dụng

Trả lại bị cáo Th3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A87 màu đen, trong lắp 01 sim điện thoại đã qua sử dụng

Trả lại bị cáo Th1 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo1819, màu xanh, trong lắp 01 sim điện thoại đã qua sử dụng

Trả lại bị cáo T1 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu xanh, trong nắp 01 sim đã qua sử dụng và 01 điện thoại nhãn hiệu Nikia, Model TA 1174, trong lắp 02 sim điện thoại đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo Vương 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, màu đen, trong lắp 02 sim đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ; 01 đĩa sứ và 04 quân vị bằng tú lơ khơ

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đàm Hà với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Hà ngày 20/09/2021)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo N V V, V V T, L V Th, L T Th1, H Q Th2, Ph Th T1 và T Th Th3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng: khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 332; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự,

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, Tòa án báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Đàm Hà;
- Công an huyện Đàm Hà;
- Chi cục THADS Đàm Hà;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ + THA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Năm

